

QUYẾT ĐỊNH
Về việc miễn học phí cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 426-TTg ngày 27/10/1976 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về Cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Công tác chính trị và Học sinh, sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn học phí học kỳ 1, năm học 2023 - 2024 cho 54 sinh viên.

(danh sách kèm theo)

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Kế hoạch - Tài chính, Đào tạo, CTCT và HSSV, Thanh tra Đào tạo, các đơn vị, khoa đào tạo có liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: TC-HC, CTCT và HSSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Cao Anh Tuấn

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

... ..

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN HỌC PHÍ
HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2023 - 2024**

(Kèm theo Quyết định số 2819/QĐ-ĐHSP, ngày 16 tháng 10 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh)

T T	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	NGÀNH HỌC	ĐỐI TƯỢNG
1	46.01.607.089	Chau Pha	Ry	26/03/2002	Việt Nam học	DTTS+HN
2	46.01.608.023	Kiều Thị Thuý	Hoa	13/07/2002	Quốc tế học	DTTS+HN
3	46.01.609.001	Nguyễn Lê Ngọc	Ái	08/06/2002	Quản lý GD	CTB
4	46.01.611.003	Nguyễn Phan Lan	Anh	17/10/2002	Tâm lý học	SVKT
5	46.01.611.038	Hứa Thanh	Huân	12/04/2002	Tâm lý học	DTTS+HN
6	46.01.612.079	Nguyễn Khánh	Tuấn	08/01/2001	CT Xã hội	MCCM
7	46.01.614.109	Nguyễn Minh	Thư	16/02/2002	Tâm lý học	MCCM
8	46.01.751.087	Nông Thị	Lành	05/12/2002	NN Anh	DTTS+HN
9	46.01.753.020	Lâm Hiếu	Hạnh	09/10/2002	NN Pháp	CTB
10	46.01.754.080	Nguyễn Bùi Xuân	Mai	19/08/2002	NN Trung Quốc	CTB
11	47.01.106.043	Lê Công	Đức	11/02/2003	Hoá học	NVQT
12	47.01.611.022	Hoàng Thị	Nga	13/11/2003	Tâm lý học	DTTS+HN
13	47.01.612.023	Nguyễn Xuân	Đạt	28/01/2003	CT Xã hội	CTB
14	47.01.614.123	Nguyễn Võ Thuý	Vy	14/02/2003	Tâm lý học	MCCM
15	47.01.753.108	Cù Thị Hồng	Nhi	27/11/2003	NN Pháp	SVKT
16	47.01.754.166	Lý Hà	My	19/04/2003	NN Trung Quốc	CTB
17	47.01.754.286	Phạm Thị Đoan	Trang	17/07/2003	NN Trung Quốc	MCCM
18	47.01.901.316	Vương Thiệu	Vy	06/11/2003	GD Tiểu học	CTB
19	47.01.904.009	Hồ Ngọc	Phương	29/11/2002	GD Đặc biệt	SVKT
20	47.01.904.016	Hồ Ngọc	Trang	29/11/2002	GD Đặc biệt	SVKT
21	47.01.904.077	Phạm Tấn	Phát	05/11/2003	GD Đặc biệt	SVKT
22	48.01.104.098	Nguyễn Phúc	Nguyên	05/06/2003	CN Thông tin	SVKT
23	48.01.301.029	Nguyễn Trần Thanh	Thương	23/11/2004	Sinh học	SVKT
24	48.01.401.113	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Phương	23/02/2004	SP KHTN	CTB
25	48.01.603.015	Y Trương	MLô	19/07/2003	SP Địa lý	DTTS+HN
26	48.01.608.066	Nguyễn Việt	Thành	08/10/2004	Quốc tế học	CTB
27	48.01.611.024	Võ Hoàng	Khang	06/11/2003	Tâm lý học	SVKT
28	48.01.611.058	Nguyễn Thành	Phát	30/12/2004	Tâm lý học	SVKT
29	48.01.611.062	Đặng Lê Minh	Quang	25/04/2004	Tâm lý học	SVKT
30	48.01.614.088	Lưu Nhật	Vũ	03/11/2001	Tâm lý học	SVKT
31	48.01.617.018	K' Thị	Dung	30/07/2004	Giáo dục học	DTTS+HN
32	48.01.617.088	Nguyễn Thị	Xuyến	08/04/2004	Giáo dục học	DTTS+HN
33	48.01.618.007	Lê Thị	Hằng	23/12/2004	GD Công dân	DTTS+HN
34	48.01.751.020	Vũ Thành	Danh	18/11/2003	NN Anh	CTB
35	48.01.754.095	Hoàng Thị Thuý	Ngân	26/03/2004	NN Trung Quốc	DTTS+HN
36	48.01.754.105	Lê Thị	Nguyệt	19/07/2004	NN Trung Quốc	DTTS+HN
37	48.01.754.106	Nguyễn Thị Cẩm	Nhân	08/04/2004	NN Trung Quốc	CTB

38	48.01.755.087	Nguyễn Đặng Thanh	Tâm	28/02/2004	NN Nhật	CTB
39	48.01.901.136	Thông Thị Diệu	Ngân	06/07/2004	GD Tiểu học	DTTS+HN
40	48.01.901.176	Lê Thị Hồng	Nhung	01/10/2004	GD Tiểu học	SVKT
41	48.01.904.042	Hà Thị Mỹ	Phương	20/05/2004	GD Đặc biệt	CTB
42	48.01.904.062	Hồ Thị Ái	Vy	31/05/2003	GD Đặc biệt	SVKT
43	49.01.101.066	Lê Thị Thanh	Nhàn	14/12/2005	SP Toán học	CBB
44	49.01.301.032	Tổng Phạm Tú	Uyên	03/11/2005	SP Sinh học	CTB
45	49.01.606.091	Nguyễn Minh	Trí	15/06/2005	Văn học	CTB
46	49.01.608.066	Trần Tiến	Phát	04/01/2005	Quốc tế học	SVKT
47	49.01.611.001	Dương Vân	Khanh	12/05/1997	Tâm lý học	SVKT
48	49.01.611.095	Từ Thị Linh	Tri	26/05/2005	Tâm lý học	DTTS+HN
49	49.01.619.017	Thị	Khiển	10/05/2005	Du lịch	DTTS+HN
50	49.01.754.047	Hoàng Thị	Hồng	11/09/2005	NN Trung Quốc	DTTS+HN
51	49.01.755.079	Tô Thị Ý	Nhi	28/05/2005	NN Nhật	DTTS+HN
52	49.01.756.029	Phan Thuỳ Bảo	Hân	07/10/2005	NN Hàn Quốc	CTB
53	49.01.756.094	Nguyễn Anh	Vũ	18/08/2005	NN Hàn Quốc	SVKT
54	49.01.901.123	Lê Thị Huỳnh	Lộc	23/03/2005	GD Tiểu học	CTB

(Danh sách có 54 sinh viên) *hết*

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

[Signature]
Cao Anh Tuấn